TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST-KDTM	Chư Prông, *ngày* 22 *tháng* 12 *năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: 442 N, Quận B, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân S – Nhân viên Ngân hàng TMCP A Chi nhánh G. Địa chỉ: Số 38-40 đường T, Phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Q – T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Việt H, chức vụ giám đốc.

Địa chỉ: Quốc lộ M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Việt H, sinh năm 1972

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976

Địa chỉ: 20 K, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị B là ông Võ Việt H (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/11/2020).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về khoản Nợ và phương thức trả nợ:

Về khoản nợ: Ông Võ Việt Hùng H công nhận Công ty TNHH Một thành viên Q – T có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G, số tiền gốc là 11.500.000.000đ (Mười một tỷ năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi tính đến ngày 14/12/2020 là:

1.366.545.304đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu nă trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 14/12/2020 là 12.866.545.304 (Mười hai tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Về thời hạn thanh toán: Ông Võ Việt H cam kết Công ty TNHH Một thành viên Q– T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh G, toàn bộ số tiền 12.866.545.304 (Mười hai tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Trong đó nợ gốc là 11.500.000.000đ (Mười một tỷ năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi tính đến ngày 14/12/2020 là: 1.366.545.304đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu nă trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Thời hạn thanh toán: Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 30/12/2020.

Về phương thức thanh toán: Việc thanh toán toàn bộ số nợ theo thứ tự như sau thanh toán vốn gốc sau đó thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành là ngày 14/12/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Công Ty TNHH Một thành Viên Q – T không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì ông Võ Việt H và bà Nguyễn Thị B đồng ý để Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: BHU.BĐDN.263.150416 ngày 01/6/2016 ; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số BHU.BĐDN.263.150416/SĐBS-01 ngày18/3/2017;Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số BHU.BĐDN.263.150416/SĐBS-02 ngày 21/7/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số BHU.BĐDN.263.150416/SĐBS-03 ngày 13/02/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số BHU.BĐDN.263.150416/SĐBS-04 ngày 25/4/2019, tài sản thế chấp là:

-Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 16, 17 diện tích 22.026m^2 tờ bản đồ số 02 tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 629772 do UBND huyện C, tỉnh G cấp ngày 20/9/2006.

-Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 40 địa chỉ tại 20A (Nay là 25) K, phường L, thành phố P, tỉnh G, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 272647 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh G cấp ngày 21/12/2015 mang tên Võ Việt H và Nguyễn Thị B.

-01 xe ô tô con hiệu Mitsubishi, số khung 33V61000, số máy SP 0590, BKS 81L-3 theo giấy chứng nhận đăng ký xe 000 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh G cấp ngày 29/01/2007.

-01 xe ô tô con hiệu Toyota, số khung JTEBX9FJ20K106118, số máy 84616402TR, BKS 81A -0 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00 do phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh G cấp ngày 24/12/2012.

Công ty TNHH Một thành viên Q – T không trả nợ hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì ông Võ Việt H cam kết ông và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm phải liên đới trả toàn bộ số nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Về án phí dân sự sơ thẩm: án phí là 60.433.272đ (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Q – T có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 60.433.272đ (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ A – Chi nhánh G số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 60.048.003 (Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn không trăm lẻ ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0006805 ngày 22/10/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Về chi phí Tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) trước đây Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Nay Công ty TNHH Một thành viên Q – T có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)
Nguyễn Văn Khương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.